

Bản án số: 117/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy
Ông Đào Tuấn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Thế Q**, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1987 tại Thái Nguyên. Nơi cư trú: **Số E, tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng**; số căn cước công dân: 019087000087; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phùng Xuân B** và bà **Lê Thị L**; có vợ là **Trần Thị P** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2025; có mặt.

2. **Đỗ Thị T**, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: **Số B A, phường H, thành phố Hải Phòng**; số căn cước công dân: 031190003788; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Văn Y** và bà **Đoàn Thị H**; có chồng là **Đoàn Văn P1** và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2025; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 **Phùng Thế Q** là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty **Công ty TNHH T1** (gọi tắt là **công ty T1**), địa chỉ tại **số E, tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng**; ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải, bốc xếp hàng hóa. **Đỗ Thị T** làm kế toán **công ty T1** từ tháng 01/2023 đến tháng 6/2024.

Phùng Thế Q bảo **Đỗ Thị T** tìm mua hoá đơn giá trị gia tăng (hoá đơn GTGT) về kê khai thuế nhằm giảm số tiền thuế phải nộp của **công ty T1**. **Đỗ Thị T** thỏa thuận mua hoá đơn GTGT của người tên **Đ** (không rõ địa chỉ, nhân thân); giá mua bán hoá đơn GTGT là 8% trên tổng số tiền hàng ghi trên hoá đơn trước thuế. Đến cung cấp thông tin để **T** liên lạc với **công ty TNHH V1** (gọi tắt **công ty V1**), mã số thuế 0901146244, trụ sở tại **thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên** (trước khi sáp nhập), do **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1972, ở **thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương** (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) thành lập.

Tím cung cấp các thông tin của **công ty T1** để **công ty D** Hợp đồng và chuyển cho **T** 02 bản hợp đồng có chữ ký của giám đốc và con dấu của **công ty V1**. Tím đưa hợp đồng cho **Q** ký, đóng dấu **công ty T1** rồi chuyển lại 01 bản hợp đồng cùng Biên bản xác nhận khối lượng dịch vụ (do **T** lập) cho **công ty V1**. **Công ty D1**, **T** báo cho **Q** để chuyển tiền từ tài khoản **công ty T1 P2** đến tài khoản của **công ty V1**. Sau đó, **Công ty D2** lại tiền về tài khoản cá nhân của **Q** hoặc **T** hoặc chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1993, trú tại **số A lô A, khu tập thể M, phường H, thành phố Hải Phòng** (bạn của **T**). Tím hoặc **H1** chuyển lại tiền nhận được vào tài khoản của **Q**. Số tiền mua hoá đơn, **T** lấy từ quỹ tiền mặt của **công ty T1** trực tiếp đưa cho **Đ**.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2023 đến 4/2024, **Q** và **T** đã mua 11 hoá đơn GTGT (từ số 17 đến số 21 cùng ngày 30/12/2023; từ số 50 đến số 52 cùng ngày 01/3/2024; từ số 64 đến số 66 cùng ngày 25/3/2024) của **công ty V1**; các hóa đơn đều ghi nội dung dịch vụ bốc dỡ, thuê xe nâng, xe cầu..., giá trị hàng hoá ghi trên các hoá đơn là 4.089.941.873 đồng, tiền thuế VAT là 327.195.350 đồng; tổng giá trị các hóa đơn là 4.417.137.223 đồng và sử dụng hóa đơn mua được để kê khai, báo cáo thuế quý 4/2023 và quý 1/2024. Đến tháng 5/2024, nhận thức được việc sử dụng 11 hoá đơn không kê khai thuế là vi phạm pháp luật nên **Q** đã liên hệ với **Chi cục thuế A - Hồ N** điều chỉnh kê khai thuế GTGT, bỏ 11 hoá đơn GTGT đã mua của **Công ty V1** ra khỏi chi phí của doanh nghiệp và nộp lại toàn bộ số tiền thuế GTGT đã được khấu trừ. Đến ngày 13/11/2025, **công ty T1** nộp 600.000.000 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023.

Ngày 11/9/2025 và 12/9/2025, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H**, **Đỗ Thị T** đến tự thú, **Phùng Thế Q** đến đầu thú.

Kết luận giám định ngày 13/02/2026 của **Thuế thành phố H** kết luận:

Về thuế GTGT: **Công ty T1**, mã số thuế: 0201951100 đã có hành vi mua sử dụng không hợp pháp 11 số hóa đơn không kèm hàng hóa, dịch vụ của **Công ty V1** để kê khai khấu trừ thuế GTGT, sau đó tự thực hiện kê khai bổ sung loại bỏ

toàn bộ giá trị dịch vụ, tiền thuế GTGT đã khấu trừ và nộp số tiền thuế GTGT thiếu vào NSNN không dẫn tới số thuế bị thất thu cho NSNN. Số tiền thuế bị thất thu cho NSNN là 0 đồng.

Về thuế TNDN: Công ty TNHH T1, mã số thuế: 0201951100 đã có hành vi mua sử dụng không hợp pháp 11 số hóa đơn không kèm hàng hóa, dịch vụ (bao gồm: số hoá đơn 17, 18, 19, 20, 21 ngày 30/12/2023) của Công ty V1 nêu tại Quyết định trưng cầu giám định để hạch toán chi phí là hành vi trốn thuế. Hành vi của Công ty TNHH T1, đã dẫn tới số tiền bị thất thu thuế TNDN năm 2023 cho NSNN là 579.000.000 đồng (2.899.000.000 đồng x 20%).

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu đen, có số máy MLPF3VN/A, số sê-ri JYD64QFY63 của Đỗ Thị T chuyển Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKSHP-P3 ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Phùng Thế Q, Đỗ Thị T về tội "Trốn thuế" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn V và đồng phạm thành lập Công ty TNHH V1 và nhiều công ty khác để mua bán hóa đơn đã bị xét xử trong vụ án khác.

Đối với Nguyễn Thị H1 không biết Phùng Thế Q, Đỗ Thị T mua bán hóa đơn; không xác định được người đến giao dịch mua bán hóa đơn với Q và T nên không xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo T, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Q), Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo;

Tuyên bố các bị cáo Phùng Thế Q, Đỗ Thị T phạm tội "Trốn thuế".

Xử phạt Phùng Thế Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đỗ Thị T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu đen, có số máy MLPF3VN/A, số sê-ri JYD64QFY63 của Đỗ Thị T.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12/2023 đến 4/2024, tại phường A, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Phùng Thế Q, Đỗ Thị T đã mua 11 hoá đơn giá trị gia tăng, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của công ty V1 với số tiền 327.195.000 đồng, tổng tiền ghi trên hóa đơn là 4.417.137.223 đồng (tiền hàng hóa dịch vụ 4.089.941.873 đồng, tiền thuế 327.195.350 đồng) và sử dụng hóa đơn mua được kê khai thuế dẫn tới thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 cho ngân sách nhà nước là 579.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phùng Thế Q, Đỗ Thị T đồng phạm tội “Trốn thuế” theo Điều 200 Bộ luật Hình sự. Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước, gây thiệt hại đến ngân sách Nhà nước nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Thế Q và Đỗ Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Thị T đã đến cơ quan công an tự thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Thế Q đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính là 579.000.000 đồng vào Ngân

sách nhà nước dưới danh nghĩa pháp nhân là Công ty TNHH T1 Phát nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Q đã đến cơ quan công an đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo: Trong vụ án các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội; tuy nhiên bị cáo Phùng Thế Q là giám đốc, là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành nên giữ vai trò chính; còn bị cáo Đỗ Thị T là kế toán, làm việc theo sự chỉ đạo của bị cáo Q nên đồng phạm với vai trò người giúp sức, do đó được xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo Q. Các bị cáo Q, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân các bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo Q đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; trong thời gian áp dụng biện pháp ngăn chặn, các bị cáo đã chấp hành tốt các quy định pháp luật của Nhà nước, địa phương nơi cư trú nên có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Q, T không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo Q, T đã thu lợi bất chính từ hành vi trốn thuế là 579.000.000 đồng. Bị cáo Q đã chủ động nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 579.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước dưới danh nghĩa pháp nhân là Công ty TNHH T1 Phát theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 3790447 ngày 13/11/2025, Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 3790607 ngày 13/11/2025, Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 3790707 ngày 13/11/2025 tại Phường A - Thuế cơ sở 2 thành phố Hải Phòng và không yêu cầu bị cáo T liên đới nộp tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu đen, có số máy MLPF3VN/A, số sê-ri JYD64QFY63 của Đỗ Thị T là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200, điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo **T**), điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo **Q**), Điều 17, Điều 58, khoản 1,2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo;

Tuyên bố các bị cáo **Phùng Thế Q**, **Đỗ Thị T** phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt **Phùng Thế Q** 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt **Đỗ Thị T** 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Phùng Thế Q** cho Ủy ban nhân dân phường **A**, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Đỗ Thị T** cho Ủy ban nhân dân phường **H**, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo **Phùng Thế Q**, **Đỗ Thị T**.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 13 màu đen, có số máy MLPF3VN/A, số sê-ri JYD64QFY63 của bị cáo **Đỗ Thị T**.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2026 tại Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Phùng Thế Q**, **Đỗ Thị T**, mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND tối cao;
- TAND tối cao;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- UBND phường An Dương, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà